

Bản án số:05/2021/DS-ST

Ngày 08 tháng 6 năm 2021

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Đặng Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trường Út, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLST -DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXX – DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Quốc tế Việt Nam (viết tắt VIB).

Địa chỉ: Tầng 1, 2 Tòa nhà SaiLing Tower, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ khách hàng cá nhân (theo văn bản ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16/01/2017).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Huy Th, sinh năm 1993- Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, có mặt (theo văn bản ủy quyền số 542062.21 ngày 06/01/2021).

Bị đơn: 1. Anh Tạ Văn Qu, sinh năm 1991, vắng mặt

2. Chị Tạ Thanh H, sinh năm 1993, vắng mặt
Đều cư trú: Thôn Ngọc V, xã Đ, huyện L, tỉnh V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tạ Đình H, sinh năm 1973, vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, vắng mặt

Đều cư trú: Thôn Ng, xã Đ, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 9 năm 2020 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Huy Th trình bày:

Ngày 30/10/2018 Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là VIB) đã ký Hợp đồng tín dụng số: 018CN633.HĐTD.18 với chị Tạ Thị H và anh Tạ Văn Qu ở thôn Ng, xã Đ, huyện L, tỉnh V. Cụ thể, Ngân hàng chấp thuận cho anh Qu, chị H vay số tiền là 400.000.000đồng (*Bốn trăm triệu đồng chẵn*). Mục đích vay: Để sửa chữa nhà ở trên nền đất cũ (Bao gồm mua sắm trang thiết bị). Thời hạn vay: 180 tháng, kể từ ngày 01/11/2018 đến ngày 30/10/2033. Lãi suất vay: Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân là 10,2%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: lãi suất cơ sở trong kỳ cộng biên độ 3.39%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,29%/năm. Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào ngày 15 hàng tháng với số tiền 2.222.000đ/tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 15/12/2018. Trả nợ lãi vào ngày 15 hàng tháng tính theo dư nợ thực tế. Ngày trả lãi đầu tiên 15/12/2018.

Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số: 633.18.HĐTC.018.BĐ ngày 30/10/2018 và được công chứng số: 5694/2018/HĐTC, quyền số: 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/10/2018. Theo đó, ông Tạ Đình H và bà Nguyễn Thị H đã dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng 499m² (200m² đất ở và 299m² đất vườn) thuộc thửa số 118, tờ bản đồ số 05 thuộc khu 7, xã Đ, huyện L, tỉnh V, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: O499516 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 01/10/1999 cho ông Tạ Đình H và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà 02 tầng tổng diện tích 160m². Tài sản theo hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các vật phụ, hoa lợi, lợi tức, các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp, tài sản hay tiền đền bù, bồi thường của cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba bất kỳ và toàn bộ các quyền, quyền lợi theo hợp đồng bảo hiểm ký giữa bên B và công ty bảo hiểm bất kỳ được

bên A chấp thuận. Bất kỳ sự thay đổi (bao gồm cả việc xây dựng mới/tạo lập thêm tài sản gắn liền trên thửa đất) sửa chữa, nâng cấp nào của bên thế chấp đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không tách rời thuộc tài sản thế chấp.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng Vĩnh Phú và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh V, chi nhánh L theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng VIB đã giải ngân cho anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H, tổng số tiền vay là 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng) theo khế ước nhận nợ ngày 30/10/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng đã ký (trả một phần gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng) từ ngày 15/6/2020. Ngân hàng VIB đã nhiều lần làm việc với anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H để yêu cầu trả nợ vay đúng thời hạn quy định trong hợp đồng, nhưng anh Qu, chị H không thực hiện nên Ngân hàng VIB đã chuyển khoản vay trên thành nợ quá hạn từ ngày 03/11/2020. Trong quá trình trả nợ vay, anh Qu và chị H đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng VIB tính đến hết ngày 07/6/2021 là 106.318.000đồng (Một trăm linh sáu triệu ba trăm mười tám nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là: 40.096.000đồng, lãi trong hạn là: 65.895.486đồng, lãi quá hạn là 326.514đồng và còn nợ Ngân hàng VIB tổng số tiền là: 425.730.456đồng (Bốn trăm linh tám triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm linh một đồng), trong đó nợ tiền gốc là: 359.906.000đồng, lãi trong hạn là: 21.814.412đồng, lãi quá hạn là: 44.012.044đồng. Số tiền nợ gốc quá hạn và lãi trên, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc song vợ chồng anh Qu vẫn không thanh toán đúng hạn như đã cam kết trong hợp đồng. Nay Ngân hàng VIB yêu cầu vợ chồng anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H trả nợ cho Ngân hàng VIB tổng số tiền tính đến hết ngày 07/6/2021 là: 425.730.456đồng, lãi trong hạn là: 21.814.412đồng, lãi quá hạn là: 44.012.044đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền gốc kể từ ngày 08/6/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng số: 018CN633.HĐTD.18 ký kết ngày 30/10/2018. Trường hợp anh Qu, chị H không trả hết nợ thì Ngân hàng VIB có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền xử lý tài sản bảo đảm là diện tích đất 499m² (200m² đất ở và 299m² đất vườn) thuộc thửa số 118, tờ bản đồ số 05 thuộc khu 7, xã Đ, huyện L, tỉnh V, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

O499516 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 01/10/1999 cho ông Tạ Đình H và tài sản gắn liền với đất tại thôn Ng, xã Đ, huyện L, tỉnh V. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ của anh Qu, chị H với Ngân hàng thì anh Qu, chị H phải tiếp tục trả các khoản nợ cho Ngân hàng VIB bằng nguồn thu và các tài sản khác cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Qu, chị H trình bày: Anh Qu, chị H có ký kết hợp đồng tín dụng số: 018CN633.HĐTD.18 ngày 30/10/2018 để vay Ngân hàng VIB chi nhánh V tổng số tiền là 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn), thời hạn vay là 180 tháng, mục đích vay: sửa chữa nhà để ở, Lãi suất vay: lãi suất cho vay điều chỉnh thả nổi. Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 15 với số tiền 2.222.000đồng/tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 15/12/2018. Trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 15 hàng tháng tính theo dư nợ thực tế, ngày trả lãi đầu tiên 15/12/2018. Khi vay, để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng anh chị có thể chấp thừa đất số 118, tờ bản đồ số 05, diện tích 499m² tại thôn Ng, xã Đ, huyện L, tỉnh V, đứng tên bố đẻ anh Qu là ông Tạ Đình H. Quá trình vay vốn, do kinh tế khó khăn nên từ tháng 6/2020, vợ chồng anh chị không trả được gốc và lãi cho ngân hàng như đã thỏa thuận. Hiện nay, vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng VIB số tiền gốc là: 359.904.000đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu chín trăm linh bốn nghìn đồng). Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị trả nợ, vợ chồng anh chị đồng ý trả, nhưng do gia đình đang gặp khó khăn về tài chính nên vợ chồng anh chị xin trả toàn bộ nợ gốc, lãi quá hạn, còn lại cho vợ chồng anh chị tiếp tục trả nợ theo thời hạn và thỏa thuận như hợp đồng tín dụng. Nếu vợ chồng anh chị không trả được nợ thì ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là thừa đất số 118, tờ bản đồ số 05, diện tích 499m² tại thôn Ng, xã Đ, huyện L, tỉnh V, đứng tên bố đẻ anh Qu là ông Tạ Đình H và tài sản trên đất để thu hồi khoản nợ anh chị cũng đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2020 bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Tạ Văn Qu. Năm 2018, vợ chồng anh Qu có vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam 400.000.000đồng. Việc ký kết hợp đồng tín dụng do vợ chồng anh Qu thực hiện, cụ thể lãi suất, thời hạn vay bà không rõ. Khi vợ chồng anh chị vay tiền, vợ chồng bà có thể chấp thừa đất số 118, tờ bản đồ số 05, diện tích 499m² và 01 nhà 02 tầng tổng diện tích là 160m² tại thôn Ng, xã Đ, huyện L, tỉnh V, đất đứng tên chồng bà là ông Tạ Đình H. Quá trình vay vốn do kinh tế khó khăn nên vợ chồng anh Quảng chưa trả được gốc và lãi cho ngân hàng nên ngân

hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Qu, chị H phải trả lại toàn bộ số tiền đã vay và trường hợp không trả được nợ thì đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay trên bà không có ý kiến gì, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị tạo điều kiện cho vợ chồng anh Qu trả dần.

Ông Tạ Đình H là bố đẻ anh Qu, người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 05, diện tích 499m² và 01 nhà 02 tầng tổng diện tích là 160m² tại thôn Ng, xã Đ, huyện L, tỉnh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H vẫn vắng mặt không có ý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định về thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Do anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, do đó cần chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Ngân hàng VIB, buộc vợ chồng anh Qu, chị H phải trả Ngân hàng VIB tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 07/6/2021 là: 425.730.456đồng, trong đó tiền gốc là: 359.906.000đồng lãi trong hạn là: 21.814.412đồng, lãi quá hạn là: 44.012.044đồng. Trường hợp anh Qu, chị H không trả hết nợ thì Ngân hàng VIB có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền xử lý tài sản bảo đảm là diện tích đất 499m² (200m² đất ở và 299m² đất vườn) thuộc thửa số 118, tờ bản đồ số 05 thuộc khu 7, xã Đ, huyện L, tỉnh V, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: O499516 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 01/10/1999 cho ông Tạ Đình H và tài sản gắn liền với đất tại thôn Ng, xã Đ, huyện L, tỉnh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2020 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam yêu cầu anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H trả lại Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ lại theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng tín dụng” và giải quyết theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Tạ Văn Qu, chị Tạ Thanh H và ông Tạ Đình H, bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt lần 2 không

có lý do. Căn cứ vào các Điều 199, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt anh Qu, chị H, ông H, bà H.

Xét về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng tín dụng đều đúng quy định của pháp luật và đủ năng lực hành vi dân sự. Việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng pháp luật về hình thức và nội dung.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Theo nội dung hợp đồng tín dụng số: 018CN633.HĐTD.18 ngày 30/10/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và vợ chồng anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H, Ngân hàng cho vợ chồng anh Qu, chị H vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), số tiền này, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay và giải ngân theo đúng thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng. Kể từ khi vay vốn cho đến nay Ngân hàng xác định vợ chồng anh Qu, chị H đã trả cho Ngân hàng tính đến hết ngày 07/6/2021 là: 106.318.000đồng (Một trăm linh sáu triệu ba trăm mười tám nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là: 40.096.000đồng, lãi trong hạn là: 65.895.486đồng, lãi quá hạn là 326.514đồng và còn nợ Ngân hàng VIB tổng số tiền là: 425.730.456đồng (Bốn trăm hai mươi năm triệu bảy trăm ba mươi nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng), trong đó nợ tiền gốc là: 359.906.000đồng, lãi trong hạn là: 21.814.412đồng, lãi quá hạn là: 44.012.044đồng.

Phía anh Qu, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, anh Qu, chị H đã không trả số tiền gốc: 2.222.000đồng và lãi trên toàn bộ nợ gốc vào ngày 15 hàng tháng như đã cam kết, vợ chồng anh chị đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/6/2020, nên khoản nợ của anh chị đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 03/11/2020. Như vậy, việc Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H phải trả các khoản tiền gốc và lãi còn nợ tính đến hết ngày 07/6/2021 theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Cần buộc vợ chồng anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H trả nợ cho Ngân hàng VIB tổng số tiền là: 425.730.456đồng (Bốn trăm hai mươi năm triệu bảy trăm ba mươi nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng), trong đó nợ tiền gốc là: 359.906.000đồng, lãi trong hạn là: 21.814.412đồng, lãi quá hạn là: 44.012.044đồng.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay đối với Ngân hàng VIB, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H thừa nhận vợ chồng bà là ông Tạ Đình H và bà đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số: 633.18.HĐTC.018.BĐ ngày 30/10/2018, thế chấp 499m² đất thuộc thửa số 118, tờ bản đồ số 05 và tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi

nhà 02 tầng diện tích 160m^2 tại thôn Ng, xã Đ, huyện L, tỉnh V, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O499516 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 01/10/1999 cho ông Tạ Đình H (diện tích hiện trạng là: 595m^2). Xét thấy, trong hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên, tài sản thế chấp là diện tích đất là 499m^2 và 01 ngôi nhà 02 tầng tổng diện tích 160m^2 (xây dựng năm 2010). Nhưng qua xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất hiện trạng là 595m^2 (thừa so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 96m^2 , ngân hàng chỉ yêu cầu đúng với diện tích trong giấy chứng nhận còn phần đất thừa không đề nghị), trên đất ngoài ngôi nhà 02 tầng diện tích 160m^2 xây dựng năm 2010, còn có 01 nhà ngang xây gạch lợp blô xi măng diện tích $25,4\text{m}^2$ (xây dựng năm 2011); 01 nhà tắm đổ mái diện tích $6,6\text{m}^2$ (xây dựng năm 2015); 01 mái tôn diện tích 40m^2 (xây dựng năm 2015 và một số cây cối lâm lộc trên đất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 325 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “ Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Qua xem xét hợp đồng thế chấp hai bên không thỏa thuận khác, các bên đều thừa nhận tất cả những tài sản trên đất của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O499516 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh V cấp ngày 01/9/1999 đều thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông H, bà H. Vì vậy, những tài sản trên đất không nêu trong hợp đồng thế chấp gồm: 01 nhà ngang xây gạch lợp blô xi măng diện tích $25,4\text{m}^2$ (xây dựng năm 2011); 01 nhà tắm đổ mái diện tích $6,6\text{m}^2$ (xây dựng năm 2015); 01 mái tôn diện tích 40m^2 (xây dựng năm 2015 và một số cây cối lâm lộc trên đất đều được xử lý cùng tài sản thế chấp. Hợp đồng thế chấp trên đảm bảo có hiệu lực của hợp đồng, do đó phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông Tạ Văn H và bà Nguyễn Thị H, cả hai vợ chồng ông H, bà H đều ký vào hợp đồng thế chấp và đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Mục đích và nội dung của hợp đồng thế chấp hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng thế chấp đều được công chứng tại Văn phòng công chứng Vĩnh Phú và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L theo đúng quy định của pháp luật. Hiện tại, vợ chồng ông H, bà H và vợ chồng anh Qu, chị H đang ở và quản lý toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên. Do đó, trường hợp vợ chồng anh Qu, chị H không trả nợ cho VIB thì Ngân hàng có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền xử lý các tài sản bảo đảm trên để thu hồi nợ.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Đình H đã nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ, ông H biết việc Ngân hàng khởi kiện, biết mình được triệu tập nhưng cố tình vắng mặt thể hiện sự trốn tránh nghĩa vụ của người thế chấp tài sản và không tôn trọng pháp luật.

[3] Về án phí: Anh Qu, chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Ngân hàng VIB tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do vậy, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) đối với vợ chồng anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H.

Buộc vợ chồng anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 07/6/2021 là: 425.730.456đồng (Bốn trăm hai mươi năm triệu bảy trăm ba mươi nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng), trong đó nợ tiền gốc là: 359.906.000đồng, lãi trong hạn là: 21.814.412đồng, lãi quá hạn là: 44.012.044đồng. Kể từ ngày 08/6/2021, anh Qu, chị H tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên nợ gốc như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 018CN633.HĐTD.18 ngày 30/10/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và vợ chồng anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp anh Qu, chị H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng VIB thì Ngân hàng có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là thửa số 118, tờ bản đồ số 05 diện tích 499 m² (diện tích hiện trạng là 595m²) và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng tổng diện tích 160m²; 01 nhà ngang xây gạch lợp blô xi măng diện tích 25,4m²; 01 nhà tắm đổ mái diện tích 6,6m²; 01 mái tôn diện tích 40m² và một số cây cối lâm lộc

trên đất tại thôn Ng, xã Đ, huyện L, tỉnh V, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O499516 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 01/9/1999 cho ông Tạ Đình Hiến để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì anh Qu, chị H phải tiếp tục thực hiện việc thanh toán khoản còn thiếu bằng nguồn thu và các tài sản khác cho đến khi thanh toán đủ.

Về án phí: Buộc anh Tạ Văn Qu và chị Tạ Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 21.029.000đồng (Hai mươi một triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền: 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0001011 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS huyện L;
- THA L.
- Các đương sự
- Lưu Hồ sơ; văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp

